

Mật Tạng Bộ 3_ No.1175 (Tr.716_ Tr.723)

**KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ
VĂN THÙ SỰ LỢI BỒ TÁT CÚNG DƯỜNG NGHI QUY
MỘT QUYỀN**

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiên Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Đông Chân Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī-kumāra-bhūta)

Ta y **Du Già** (Yoga) nói niệm tụng

Thân Miệng Ý Kim Cương, niệm

Ba Mật thâm sâu của Như Lai

Hành Giả nên phát **Tâm Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-citta)

Theo Thầy ứng nhận **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

Chẳng tiếc thân mạng, khởi Từ Bi

Mới có thể vào **Luân giải thoát** (Vimokṣa-cakra)

_ Nên theo Thầy nhận **Tam Ma Gia** (Samaya)

Khế An (Mudra), **Mật Ngữ** (Guhya-vàc) như **Kinh** (Sūtra) nói

Kính **A Xà Lê** (Ācārye), tưởng như Phật

Đối với đồng học, Tâm ân trọng

_ Hoặc ở sườn núi, **A Lan Nhã** (Aranya)

Sông, suối, ao tắm, cây đẹp ý

Ngọn núi, hang đá, đất bên cây

Dụng lập **Đạo Trường** (Maṇḍala) như Bản Pháp

_ Trang nghiêm Tinh Thất, đặt Bản Tôn

Tùy sức cúng dường, một lòng trụ

Quán khắp biển chư Phật mười phương

Cúng dường, lễ chân các Như Lai

Vì thành ba Nghiệp Kim Cương, nên

Nên ở trong hai tay, lưỡi, tim

Nên tưởng chày Kim Cương **Ngũ Trí**

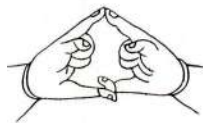
Do đây gia trì đều **Tất Địa** (Siddhi)

_ Tiếp nên kết Khế, tên **Cảnh Giác**

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dụng Tiên Lược (2 ngón trỏ)

Trụ cạnh hai ngón, thành Giác Ngộ



Cảnh Giác Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-lỗ để sắt-xá**”

ॐ २ ३ १ ५

OM- VAJRA TIṢṬA

_ Kính lễ Đông Phương A Súc Tôn (Akṣobhya)
Xả thân cầu thỉnh **Bất Thoái Chuyển**
Toàn thân sát đất, dùng tim lễ
Kim Cương Hợp Chủng duỗi trên đỉnh



Xả Thân Cầu Thỉnh Gia Trì Chân Ngôn là:

“Án, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố tổ, bả tát-tha năng dạ đất-ma nam (2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật-la tát đất-phộc địa sát-xá sa-phộc hàm”

ॐ स त् न ए त्त ग पुरा पश्च न य त्त म् न ञ्ज ग य म् स त् न ए त्त ग व ज्ज म् न ए त्त म्

OM – SARVA TATHĀGATA-PŪJA PASVANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAM
(Trong trái tim, tưởng chữ **Hồng** (ॐ: HŪM) màu xanh)

_ Tiếp nên kính lễ **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-sambhava)
Xả thân cầu thỉnh **Quán Đỉnh Vị**
Kim Cương Hợp Chủng ngang trái tim
Đặt trán sát đất, chân thành lễ



Xả Thân Cầu Thỉnh Quán Đỉnh Chân Ngôn là:

“Án, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố nhạ tỳ sai ca đa-ma nam (2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la, la đất-năng tỳ sản tả hàm”

ॐ स त् न ए त्त ग पुरा ञ्ज पश्च न य त्त म् न ञ्ज ग य म् स त् न ए त्त ग व ज्ज म् न ए त्त म्

OM – SARVA TATHĀGATA-PŪJA ABHIṢAIKĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIṢIMCA MAM
(Ở trán, tưởng chữ **đất-lạc** (ॐ: TRĀḤ) màu vàng)

_ Tiếp lễ **Quán Tự Tại Vương Tôn** (Avalokiteśvara-rāja)
Xả thân cầu thỉnh **Tam Ma Địa**
Kim Cương Hợp Chủng để trên đỉnh
Đặt miệng sát đất, chân thành lễ



Xả Thân Cầu Thỉnh Tam Muội Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố nhạ, bát-la vạt đất nặng dạ đa-ma nam (2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la đạt ma, bát-la vạt đất dã, hàm (5)**”

ॐ स त् न ए ग ग पुरा स व व न य म नं ॐ न य म स त् न ए ग ग व न व म स व व य मं

OM- SARVA TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTTANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTĀYA MAM

(Ở miệng, tưởng chữ **Hột-lý** (ॐ_ HRĪH) màu đỏ)

_ Tiếp lễ **Bất Không Thành Tựu Tôn** (Amogha-siddhi)

Xả thân cầu thỉnh **Thiện Xảo Trí**

Kim Cương Hợp Chương an ở tim

Đặt đỉnh sát đất, cúi đầu lễ



Xả Thân Cầu Thỉnh Phương Tiện Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nghiệt đa (1) bố nhạ yết ma nê, a đa-ma nam (2) ninh lý-dã đa dạ minh (3) tát phộc đất tha nghiệt đa (4) phộc nhật-la yết ma, củ lỗ, hàm (5)**”

ॐ स त् न ए ग ग पुरा क म म म नं ॐ न य म स त् न ए ग ग व न क म कु र मं

OM- SARVA TATHĀGATA-PŪJA KARMAṆI ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU MAM

(Tưởng đỉnh đầu có chữ **Ac** (ॐ_ AH) màu xanh lục)

_ Tiếp lại kính lễ mười phương Phật

Tưởng thân ở khắp trước chư Phật

Quán tưởng năm Luân (5 vóc) sát đất lễ

Thường kết **Kim Cương Tam Ma Gia**



Biên Lễ Thập Phương Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) ca dã, phộc, chỉ-tức đa (2) phộc nhật-la bát-la noa mai (3) phộc nhật-la mãn na nam, ca lô minh (4) Án, phộc nhật-la vĩ (hoặc hô là vật)**

ॐ स्रक् गणराग ऋद्य वक्रुग वक्रुम्रुं वक्रुव श्रुं कृद्य उं वक्रु वः

OM- SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK- CITTA VAJRA PRANANĀM
VAJRA VANDANĀM KARA-UMI – OM VAJRA VIH.

Tiếp tụng Thành Tụ Diệu Chân Ngôn

Hết thầy chúng sinh cầu Thắng Sự

Nguyên chú Như Lai đều gia trì

Mau khiến thành tựu Đạo vô thượng

Thành Tụ Nhất Thiết Chúng Sinh Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa (10) hương tất-đá (2) tát phộc tát đát-phộc nam (3) tát phộc tất đà dục (4) tam bả cực đam (5) đát tha nghiệt đa thất-giã (6) địa để bi-trán đam (7)**

ॐ स्रक् गणराग ऋ(मः) स्रक् स्रुं स्रक् (स्रुद्यः) स्रुम्रुं गणरागश्रु(ग)श्रुं

OM- SARVA TATHĀGATA ŚAMSITĀH – SARVA SATVĀNĀM SARVA
SIDDHAYAḤ, SAMPADYATNĀM, TATHĀGATA-ŚCA ADHITIṢṬĀNĀM

Tiếp nên Kiết Già, ngồi thẳng thân

Tịnh trừ ba Nghiệp khiến trong sạch

Bản Tính các Pháp vốn trong sạch

Khiến Ta, thân này sạch, không dơ

Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn là:

“**Án, sa-phộc bà phộc, thuật đà (1) tát phộc đạt ma (2) sa-phộc bà phộc, thuật độ hàm**”

ॐ श्रुश्रु श्रुश्रु स्रुद्य श्रुश्रु श्रुश्रुं

OM- SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHA-UHAM

Tiếp kết Văn Thù Tam Ma Gia

Mười ngón cài nhau thành trăng đầy

Duỗi thẳng Nhân Nguyệt (2 ngón giữa) **Kim Cương Kiếm** (cây kiếm Kim Cương)

Tưởng thân ngang đồng **Diệu Cát Tường** (Mamjuśrī)



Tam Muội Gia Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la để khát-xoa-ninh, tam ma gia, tát-đát-phạm**”

ॐ वक्रु निश्रु समद्य श्रु

OM- VAJRA-TĪKṢNA SAMAYA STVAM

_ Tiếp Kim Cương Hợp Chương, mười ngón giao phần đầu.



Tụng Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-lăng, nhạ lý”

ॐ वज्रजाले

OM- VAJRĀMJĀLI

_ Giao sâu các ngón, nắm quyền xong, thành Kim Cương Phộc.



Tụng Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la mãn đà”

ॐ वज्रबन्ध

OM- VAJRA-BANDHA.

_ Tiếp nên mở Tâm vào Phật Trí

Nên ở hai vú, tương hai chữ

Chữ **Đát-la** (ॐ TRĀ) **Tra** (ॐ T) đều màu trắng

Chữ ấy tưởng làm hai cánh cửa

Hai tay nên kết Kim Cương Phộc

Vỗ tim ba lần, mở cửa nhà



Khai Tâm Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra”

ॐ वज्रबन्ध त्रा

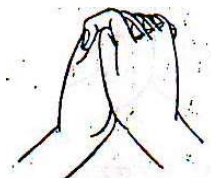
OM_ VAJRA-BANDHA TRĀT

_ Nên quán Diệu Liên (sen màu nhiệm), A Tụ Môn (ॐ)

Dùng Án triệu vào ở điện tim

Định Tuệ (2 tay) làm trắng, Kim Cương Phộc

Thiền Trí (2 ngón cái) tại chương (lòng bàn tay), tương chữ vào



Kim Cương Nhập Tự Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, phệ xả, ác**”

ॐ वज्र अविश्व

OM- VAJRA AVISA _ AH

_ Tiếp nên kết **Môn Tâm Hộ Án**

Như Tiêu xí của Nhập ấn trước

Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) ngay trên Thiên Trí (2 ngón cái)

Liên được Bất Thoái Chuyển bền chắc



Kim Cương Quyền Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la mẫu sắt-tông, hàm**”

ॐ वज्र मुष्टि व

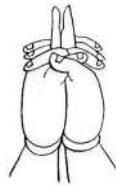
OM- VAJRA-MUṢṬI _ VAM

_ Tiếp kết **Phổ Hiền Tam Ma Gia**

Thê đồng **Tát Đoả Kim Cương** (Satva-vajra) nên

Định Tuệ (2 tay) hoà hợp Kim Cương Phộc

Hai độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) dựng như phương



Vừa tụng **Bản Thệ Án Chân Ngôn**

Thân ở vành trăng đồng **Tát Đoả** (Satva)

Tam Ma Gia Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la tam ma dã, sa-đát-tông**”

ॐ वज्र समय व

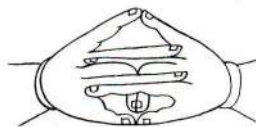
OM- VAJRA-SAMAYA STVAM

_ Tiếp kết **Cực Hỷ Tam Muội Gia**

Định Tuệ (2 tay) làm trăng, Kiên Cố Phộc

Nhẫn Nhục, Nguyệt độ (2 ngón giữa) giao hợp giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

“**Án, tam ma dã, hộc, tố la đa, sa-đát-tông**”

ॐ समय वः सुरा व व

OM- SAMAYA HOḤ SURATA STVAM

Triệu Tội Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc bá bả, yết-la noa (1) vĩ thú đà năng (2) phộc nhật-la tát đát-phộc (3) tam ma dã, hồng (4)**”

ॐ स त् प प ऋ ध म व ङ स व स म य ॐ रु ङ

OM_ SARVA-PĀPA AKARṢAṆA VAJRA-SATVA-SAMAYA – HŪM PHAT

_ Tiếp kết **Kim Cương Tội Tội Án**

Hai tay hoà hợp, cài bên trong

Hai độ Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) dựng như phượng

Một tụng Chân Ngôn, một đập vỗ



Tự tưởng các nghiệp tội vô thủy
Phần lớn đen xoắn như hình Quỷ
Tụng **Tội Tội Diệu Chân Ngôn** ấy
Dùng Án đập vỗ, khiến tiêu diệt

“**Án, phộc nhật-la bá nê (1) vĩ tát-bổ tra dã (2) tát phộc bá dã mãn đà năng ninh (3) bát-la mô khát-sái dã (4) tát phộc bá dã nghiệt để tỷ-được (5) tát phộc tát đát-tông (6) tát phộc đát tha nghiệt đa (7) phộc nhật-la tam ma dã, hồng, đát-la tra (8)**”

ॐ व ङ प ऋ ध म व ङ स व स म य ॐ रु ङ
स त् स व स त् ग ष ग ग व ङ स म य ॐ रु ङ

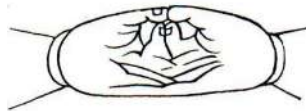
OM_ VAJRA-PĀṆI VIŠPHOṬAYA SARVA-PĀPA BANDHANĀNI PRAMOKṢĀYA SARVA PĀYAGATEBHYAṬ SARVA SATVA – SARVA TATHĀGATA-VAJRA-SAMAYA HŪM TRAṬ.

_ Hành Giả muốn vào **Kim Cương Định**

Trước trụ **Diệu Quán Sát Trí Án**

Hai tay Định Tuệ, ngửa cài nhau

Tiền (ngón trở trái) Thiên (ngón cái trái) Lực (ngón trở phải) Trí (ngón cái phải) đều trụ nhau



Dùng Diệu Án này tu **Đẳng Dẫn** (Samāhita: Tính của Tâm chuyên chú tại Định)
Liên được **Như Lai Bất Động Trí**

_ Hành Giả tiếp theo, nhập vào **Vi Tế Kim Cương Quán**. Nên quán hơi thở ra vào, trắng như màu sữa, ngay đầu mũi của mình có ánh sáng trong trắng tinh khiết. Biết xa gần ấy biến thành chày Kim Cương Ngũ Trí theo mũi đi vào, khiến tràn khắp thân của mình.

Tụng Chân Ngôn là:

“**Án, tô ương-ma, phộc nhật-la**”

ॐ सुक्श्म वज्र

OM_ SUKŚMA VAJRA

_ Liên quán chày Kim Cương này, dẫn dần, rộng lớn dần, vòng khắp Pháp Giới Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án, táp-phả la, phộc nhật-la**”

ॐ स्फ़र वज्र

OM_ SPHARA VAJRA

_ Lại tụng Chân Ngôn sau, dần thu lại, dần rút lại, ngang bằng với thân của mình. Chân Ngôn là:

“**Án, tăng hạ la, phộc nhật-la**”

ॐ संहर वज्र

OM_ SAMHARA VAJRA

_ Lại dùng Chân Ngôn gia trì, khiến cho trụ bền chắc chẳng tan.

Chân Ngôn là:

“**Án, dẫn-lý trà, để sắt-xá, phộc nhật-la**”

ॐ द्रुध वज्र

OM_ DRDHA-TISTA VAJRA

Tiếp theo nhập vào Quán **Tứ Vô Lượng Tâm** (Catvāry-apramāṇāni)

_ Bắt đầu nhập vào **Từ Vô Lượng Tâm Định**. Dùng Tâm **An Tĩnh** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách (Noãn, thai, thấp, hóa) trong sáu nẻo, đều đủ **Như Lai Tạng** (Tathāgata-garbha), đầy đủ ba loại Thân Khẩu ý Kim Cương. Dùng sức Công Đức tu **ba Mật** (Tri-guhya) của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva).

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Từ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

“**Án, ma hạ muội đất-la dạ, sa-phả la**”

ॐ मन्मथियस्फ़र

OM- MAHĀ-MAITRIYA SPHARA.

_ Tiếp nên nhập vào **Bi Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **thương xót** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo đang bị chìm đắm nơi biển khổ sinh tử, chẳng tỏ ngộ Tâm của chính mình, vọng sinh phân biệt, khởi mọi thứ **Phiền Não** (Kleśa) và **Tùy Phiền Não** (Upakleśa). Chính vì thế cho nên chẳng đạt **Chân Như** (Bhūta-tathatā) bình đẳng như hư không siêu vượt hàng sa Công Đức. Dùng sức tu ba Mật gia trì của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Bi Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**Án, ma hạ ca lỗ noa dạ, sa-phả la**”

ॐ मन्मथियस्फ़र

OM- MAHĀ-KĀRUNAYA SPHARA

_ Tiếp nên nhập vào **Hỷ Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm **thanh tịnh** duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo, xưa nay thanh tịnh giống như sự trong sạch của Tự Tính **chẳng nhiễm bụi bên ngoài** (Khách Trần) của

hoa sen Tâm. Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Hỷ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là :

“**Án, thuật đà bát-la mô ná, sa-phả la**”

ॐ ह्रीं सुद्धा प्रमोदा स्फारा

OM – ŚUDDHA PRAMODA SPHARA

_ Tiếp nên nhập vào **Xả Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm bình đẳng duyên khắp tất cả Hữu Tình sinh theo bốn cách trong sáu nẻo. Đầu lia **Nga** (Ātman), **Ngã Sở** (Mama-kāra), **Uẩn** (Skandha), **Xứ** (Āyatana), **Giới** (Dhātu) với **Năng Thủ** (Grāhaka), **Sở Thủ** (Grāhya), bình đẳng nơi pháp, Tâm vốn chẳng sinh, Tính Tướng đều trống rỗng (Śūnya:Không). Dùng sức Công Đức tu ba Mật của Ta, nguyện cho tất cả Hữu Tình ngang đồng với **Hư Không Khổ Bồ Tát** (Gagana-garja-bodhisatva hay Ākāśa-garja-bodhisatva).

Quán như vậy xong, tụng **Đại Xả Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

“**Án, ma hộ bé khát-sái, sa-phả la**”

ॐ मङ्गलक्ष्मि स्फारा

OM – MAHĀ-UPEKSA SPHARA.

Người Du Già do tu tập **bốn Vô Lượng Tâm Định**, tụng **bốn Vô Lượng Chân Ngôn** nên ở đời vị lai, hết thấy mọi loại chướng nạn, Ma Nghiệp của Người Trời thấy đều trừ diệt. Trong thân gom chứa vô lượng nhóm Phước, Tâm được điều nhu, kham nhậm tự tại.

_ Hành Giả nên tu Pháp **A Tát Phả Na Già**. Người tu Pháp này, chẳng động chi tiết, ngưng hơi thở ra vào, khiến cho hơi thở nhỏ nhiệm, đừng để tán loạn. Liền nên quán tất cả chư Phật ở hư không, giống như hạt mè tràn khắp mười phương, dùng **Kim Cương Đàn Chỉ** (búng ngón tay) bảo Hành Giả rằng: “*Này Thiện Nam Tử! Ngươi hãy quán Bản Tâm*”

Hành Giả nghe xong, liền tưởng thân của mình lễ bàn chân của chư Phật.

Biến Lễ Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa (1) bá na, mãn na năng, ca lộ nhĩ (2)**”

ॐ मङ्गलक्ष्मि स्फारा

OM– SARVA TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀM KARA-UMI

Lễ xong, quán sát kỹ lưỡng Bản Tâm tội bạch với chư Phật rằng: “*Tướng của Tâm không có Thể, Làm sao tu chứng ?*”

Chư Phật bảo Hành Giả rằng: “*Thiện Nam Tử! Ngươi quán vành trăng tại trái tim như ở trong sương mù mỏng*”. Liền tụng **Oánh Triệt Bồ Đề Chân Ngôn**, quán sát kỹ lưỡng vành trăng ở trái tim

Chân Ngôn là:

“**Án, tức đà bát-la để phệ đặng, ca lộ nhĩ**”

ॐ अक्षरं स्रष्टुं कर्तुं

OM– CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

Hành Giả nên mỗi mỗi quán kỹ lưỡng rõ ràng, chẳng lâu sẽ thấy Tâm Bồ Đề thanh tịnh, lia các bụi dơ, trong sạch như trăng đầy.

Liền tụng **Bồ Đề Tâm Chân Ngôn** là:

“**Án, mạo địa tức đa mầu đa-bả na dạ nhĩ**”

ॐ वज्रवृक्षस्य यामि

OM– BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI

Tượng trong vành trăng Bồ Đề có chữ **Đàm** (ॐ_DHAM) như màu vàng rờng, sáng rực như mặt trời, phóng ánh sáng lớn. Liên biến thành cây kiếm **Bát Nhã Ba La Mật**, lia các phân biệt, hay chặt đứt phiền não

Trí Kiếm Chân Ngôn là:

“**Án, để sắt-xá, khát nga**”

ॐ ञ्ज्रवृक्ष

OM– TIṢṬA KHADGA

Tượng cây kiếm Trí ấy dần dần tăng lớn lên vòng khắp Pháp Giới.

Chân Ngôn là:

“**Án, sa phả la khát nga**”

ॐ श्रृं वृक्ष

OM– SPHARA KHADGA

Tượng cây Kiếm Trí ấy dần dần thu nhiếp lại ngang bằng thân của mình.

Chân Ngôn là:

“**Án, tăng hạ la, khát nga**”

ॐ सं वृक्ष

OM– SAMHARA KHADGA

Vì khiến cho cây kiếm Trí bền chắc chẳng tan, lại tụng Chân Ngôn là:

“**Án, niết-ly đồ, để sắt-xá, khát nga**”

ॐ वृक्ष ञ्ज्रवृक्ष

OM– DRDHA-TIṢṬA KHADGA

Tượng Như Lai trong hư không nhập hết vào cây kiếm Trí đồng làm một Thể. Tác suy tư này:”*Như Thể Tính của chư Phật ấy, Ta cũng giống như vậy*”.

Chân Ngôn là:

“**Án, tam ma dụ hàm (1) ma hạ tam ma dụ hàm (2) tát phộc đất tha nghiệt đá tỳ tam mạo địa (3) yết nga đa-ma cú hàm**”.

ॐ सम्यक्संज्ञसम्यक्संज्ञसर्वतत्त्वज्ञानस्य यामि

OM– SAMAYA-UHAM, MAHĀ-SAMAYA-UHAM_ SARVA TATHĀGATA ABHISAMBODHI KHADGA-ATMAKA-UHAM

Tượng cây kiếm Trí ấy dần dần biến thành Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân Bồ Tát có đủ uy đức lớn, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, trên đỉnh đầu tượng có năm búi tóc, tay phải cầm cây kiếm Trí, tay trái cầm hoa sen xanh, trên hoa có rương kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, thân như màu vàng nghệ, tâm tụng **A la bả giả năng** (A RA PA CA NA) một biến

— Tiếp kết **Kim Cương Trí Kiếm Án**

Chỉ Quán (2 tay) cài chéo làm Mãn Nguyệt (Kim Cương Phộc)

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) đều dựng như cây kiếm



Án: tim với trán, họng, trên đỉnh
 Liên thành Hộ Thân, bên Bản Tôn
 Chân Ngôn là:

“Án, Phộc nhật-la để khát-ương-noa, địa sắt-xá sa-phộc hàm”

ॐ वज्रनिष्णु अदिष्ट स्वाम

OM- VAJRA-TĪKṢṆA ADHIṢṬA SVĀMAM

_ Tiếp kết **Văn Thù Ngũ Kế Án**

Hai tay Chỉ Quán, cài chéo ngoài

Đàn (ngón út trái) Phương (ngón vô danh phải) Giới (ngón vô danh trái) Tuệ (ngón út phải) dựng như ngọn

Tiền (ngón trở trái) Nguyệt (ngón giữa phải) Nhẫn (ngón giữa trái) Trí (ngón cái phải) vịn đầu nhau

Hai độ: Thiên (ngón cái trái) Lực (ngón trở phải) hợp đầu nhau

Nên tụng **Căn Bản Diệu Chân Ngôn**



Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a bát-la để hạ đa xá sa năng nam (2) Án, la la, sa-ma la, a bát-la để hạ đa xá sa năng (4) củ ma la, lỗ bả đà lý nê (5) hồng, phát tra, sa-phộc hạ (6)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-ŚASANĀNĀM

OM RA RA SMARA APRATIHATA-ŚASANA KUMĀRA-RŪPA-DHĀRAṆĪ HŪM PHAT SVĀHĀ

_ Hành Giả tiếp kết **Nhất Kế Án**

Hai tay Định Tuệ, cài chéo trong

Hai độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) dựng như phượng

Trụ nhau khiến tròn như kê tướng (tướng búi tóc)

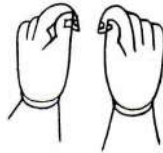


MAM SARVA DUHKHEBHYAH PHAT PHAT SAMAYA SAMAYA AMRTA-UDBHAVA PAMPANA SAYSVAHA

Tiếp nên Quán Đỉnh, kết **Bảo Ân**
 Hai tay cài chéo tác làm Nguyệt (Kim Cương Phộc)
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) ngược co như hình bấu
 Hai độ Thiên Trí (2 ngón cái) vịn bên dưới
 Để ở hai bên trên vàng trán



Liên kết Trí Quyền như buộc lụa
 Hai tay hướng trước từ từ buông
 Nên biết dùng cột lụa Vô Cầu (không dơ)



Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật- la, la đát-năng, ma la (1) tỳ sái kế la (2) tỳ sãn tả sa-phộc hàm (3) tát phộc mẫu nại-la minh (4) niết-ly trí, củ lỗ (5) phộc la, ca phộc tế na, tông**”

ॐ वज्रं रत्नं मालाभिषेकाभिषिक्त्वा स्वामं सरवामुद्राणि द्रुधा कुरु वरा कवचेदाम

OM- VAJRA-RATNA MĀLA ABHIṢEKA ABHIṢIKCA SVĀMAM SARVA-MUDRAṆI DRḌHA KURU VARA KAVACEDA VAM

Tiếp kết **Bảo Kiếm** tự quán đỉnh
 Chắp hai tay lại, co Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào lòng bàn tay
 Để ở hai bên trên vàng trán



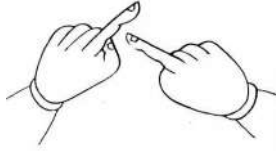
Quán Đỉnh Chân Ngôn là:

“**Án, la đát-năng, cú xá ngật-ly-dã, hồng**”

ॐ रत्नकुशाग्र्याहं

OM RATNA-KUṢĀ AGRYA HŪM

Tiếp lại kết ở **Giáp Trụ Ân**
 Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
 Để trước trái tim, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)



Hai ngón trái phải, tướng **Án** (ॐ_OM), **Châm** (ॐ_TUM)
 Tướng tuôn Thanh Quang (ánh sáng xanh) làm màu lục (xanh lục)
 Trước tim, quán ba lần, sau lưng
 Lại đến dưới rốn, hai đầu gối
 Lại chuyển đến rốn, quán sau eo
 Từ eo đến tim, chuyển hai Bạc (bắp tay)
 Từ Bạc (bắp tay) đến họng, hướng sau cổ
 Lại từ sau cổ đến trước trán
 Từ trán đến não, kết Trí Quyền
 Từ từ buông xuống như rũ đai
 Chỉ Quán (2 tay) xoay chuyển như thế múa
 Hai tay cài chéo thành Mãn Nguyệt (Kim Cương Phộc)

Giáp Trụ Chân Ngôn là:

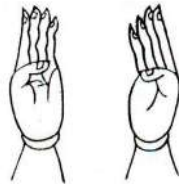
“**Án, phộc nhật-la ca phộc tả (1) phộc nhật-lý, củ lỗ (2) phộc nhật-la, phộc nhật-la, hàm (3)**

ॐ वज्रकवच वज्रे कुरु वज्र वज्रदा हम्

OM- VAJRA-KAVACA VAJRE KURU VAJRA VAJRADA HAM

_ Tiếp bày Nghi **Kim Cương Phách Chương**

Hai tay ngang bằng, vỗ ba lần



Do bày **Phách Án** kèm **Chân Ngôn**

Hay khiến Thánh Chúng phát vui vẻ

Mau được **Bản Tôn Hoan Hỷ Thể**

Hoan Hỷ Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la để, khắt-sử-noa, đồ sử-dã, hộc**”

ॐ वज्रनिष्ठ तुष्य हः

OM- VAJRA-TĪKṢṆA TUṢYA HOH

_ Tiếp kết **Đại Hải Án**

Hai tay cài chéo trong

Ngửa chương ngang với rốn

Thiền Trí (2 ngón cái) hơi cùng trụ



Chân Ngôn là:

“**Án, Vĩ ma lộ ná địa hồng**”

ॐ वमल उदधि हुं

OM- VIMALA UDADHI HŪM

_ Định Tuệ (2 tay) mười ngón cái chéo trong
Kèm dựng hai cánh tay, hợp khuỷu
Ngang tim dựng thẳng, tụng Chân Ngôn
Đây tên **Diệu Cao Bảo Sơn Ân**



Chân Ngôn là:

“**Án, a tá la hồng**”

ॐ वमल हुं

OM- ACALA HŪM

_ Tiếp kết **Kim Cương Luân Đại Ân**
Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
Tiền Lực (2 ngón trỏ) Đản Tuệ (2 ngón út) trợ móc nhau
Nhu Đản Trường ấy, thân bốn chỗ



Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, chước cật-la, hồng**”

ॐ वज्रकच हुं

OM- VAJRA-CAKRA – HŪM

_ Tiếp kết **Tứ Nhiếp Ân**

Nên tụng **Tứ Tự Minh**

“**Nhược hồng tông hộc**”

ॐ ह्रं वं ह्रं

JAḤ HŪM VAḤ HOḤ

_ Lại kết **Kim Cương Biến Nhập Ân**

Chỉ Quán (2 tay) hoà hợp cái chéo ngoài

Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong lòng tay

Trình An hay khiến Đại Thánh hiện



Chân Ngôn là:

“**Phộc nhật-la, đễ khát-sử-noa, ác**”

ॐ वज्रनिश्चय हुं

VAJRA-TIKṢṆA AḤ

_ Chàng giải Ấn trước, tụng Chân Ngôn

Hay khiến Hành Giả thấy rõ ràng

Chân Ngôn là:

“Phộc nhật-la, để khát-sử-noa, đăn-lý xả-dã”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊

VAJRA-TĪKṢṆA DRṢYA

_ Lại kết Tam Ma Gia

Kim Cương Kiếm Đại Ấn

Xung tụng Chân Ngôn sau

Ta ngang bằng Bản Tôn

Chân Ngôn là:

“Tam ma dụ hám (1) ma hạ tam ma dụ hám (2)”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊

SAMAYA-UHAM, MAHĀ-SAMAYA-UHAM

_ Tiếp kết Tứ Thu Mật

Tụng câu Kim Cương này

“Ấn, phộc nhật-la đất đất-phộc tăng ngật-la hạ (1) phộc nhật-la, la đất-năng ma nỗ lăm, (2) phộc nhật-la đật ma nga dã nãi (3) phộc nhật-la yết ma ca lỗ bà phộc”

_ Tiếp dùng Tứ Tự Minh

Như trước, như bốn chỗ

“Nhược hồng tông hộc”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊

JAḤ HŪM VAM HOḤ

_ Tiếp dùng Kim Cương Vương

Triệp tập các chúng Thánh

Chân Ngôn là:

“Ấn, phộc nhật-la tam ma nhạ, nhược”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊

OM- VAJRA-SAMAJA_ JAḤ

_ Tiếp nên Hành Giả ngồi, Quán trước

Hoa sen tám cánh đủ râu nhụy

Trên quán Tòa Sư Tử Diệu Cao

Trên Tòa lại có lầu bảy báu

Trong tường hoa sen vua bảy báu

Trên tường chữ **Đàm (𑖀_ DHAM)** đủ uy quang

Chiếu khắp Pháp Giới lướt vòng hét

Chữ ấy biến làm **Kim Cương Lợi** (Vajra-tīkṣṇa)

Mỗi mỗi để quán như hình gốc (bản hình)

Triệu thỉnh Bồ Tát, tường vào thân

Hai tay tác Nguyệt (Kim Cương Phộc), Tiến (ngón trở phải) như câu (móc câu)

Tường thân đồng với Bồ Tát ấy



_ Tiếp kết **Kim Cương Câu Đại Ấn**
Nhất Thiết Như Lai Thỉnh Triệu Trí
Định Tuệ (2 tay) hoà hợp cài chéo ngoài
Tiền Độ (ngón trở phải) như móc, co ba lần



Kim Cương Câu Bồ Tát Chân Ngôn là:
“**Án, a dạ hứ, nhược**”
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
OM- ĀYAHĪ JAḤ

_ Tiếp kết **Kim Cương Sách Đại Ấn**
Đẫn vào **Tôn Thân**, thành **Trí Thể**
Án trước, Thiên Độ (ngón cái phải) vào Định Chưởng (lòng bàn tay trái)
Lực (ngón trở trái) Trí (ngón cái trái) vịn nhau như vòng
_ Tiếp ngay kết **Sách (Pāśa)** vào **Tôn Thân**
Kết Nguyệt Thiên, Thần Trí vào chưởng (lòng bàn tay)



Do Mật Ấn này giá trị nên
Biến làm một Thể không có khác
Kim Cương Sách Chân Ngôn là:
“**Án, A hứ hồng hồng**”
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
OM-ĀHĪ HŪṀ HŪṀ

_ Tiếp kết **Kim Cương Câu Toả Ấn**
Hay khiến Bản Tôn trụ bền chắc
Thiên Trí (2 ngón cái) Tiền Lực (2 ngón trở) cùng móc kết
Đáy tên **Kim Cương Năng Chỉ Ấn**
_ Tiếp ngay Toả Ấn khiến bền chắc
Tác Nguyệt (Kim Cương Phộc) bốn ngón giống như vòng



Do Uy lực của Mật Ấn này
Đều khiến bền chắc mà chẳng biến
Kim Cương Tỏa Chân Ngôn là:
“**Án, hệ tát-phổ tra, hàm**”
ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।
OM-HE – SPHOṬA – VAM

_ Tiếp kết **Kim Cương Diệu Thanh Ấn**

Hãy khiến chúng Thánh đều vui vẻ
Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương Phộc
Đây tên **Kim Cương Hoan Hỷ Ấn**

_ Tiếp kết **Linh Ấn** khiến vui vẻ

Thiền Trí vào Chuông (lòng bàn tay) như chuông nhỏ (linh đặc: chuông lắc tay)



Khiến Tôn với Chúng đều vui vẻ
Gia trì khiến mau Diệu Thành Tựu
Kim Cương Linh Chân Ngôn là:
“**Án, kiện tra, ác ác**”
ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।
OM-GHAMṬA _AḤ AḤ

_ Hành Giả tiếp nên dùng hai tay bưng **Át Già** (Ārgḥa) tưởng tẩy rửa bàn chân của Đại Thánh **Kim Cương Lợi Bồ Tát** với các quyền thuộc.



Hoặc dùng **Bách Tụ Chân Ngôn** gia trì Át Già rồi **hiến Át Già**
Chân Ngôn là:
“**Án, phộc nhật-lô na ca, hồng**”
ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।
OM_ VAJRA- UDAKA HŪM

_ Tiếp kết **Văn Thù Yết Ma Ấn**

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền

Định Vũ (tay trái) để ngay trên trái tim
Tuệ Vũ (tay phải) giống như thế cầm kiếm



Do sức Yết Ma Diệu Ẩn này
Thân ngang đồng Tôn không có khác
Yết Ma Chân Ngôn là:
“**Án, phộc nhật-la để khát-xoa-noa, đàm**”

ॐ वज्रनिष्ठा

OM- VAJRA-TĪKṢṂA DHAM

_ Tiếp kết **Kim Cương Lợi Kiếm Ẩn**
Phộc An, Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) duỗi như Kiếm.



Do Diệu Ẩn này gia trì, nên
Sẽ được Trí Bát Nhã thâm sâu
Kim Cương Lợi Kiếm Chân Ngôn là:

“**Án, nậu khư thử na**”

ॐ ह्रिः कृ ङ

OM- DUHKHA CCHEDA

_ Tiếp kết **Thanh Liên Hoa Diệu Ẩn**
Giới Phương (2 ngón vô danh) Đản Tuệ (2 ngón út) hợp Diệu Tràng (cây phương
màu nhiệm)

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) đều buộc lưng Giới Phương (2 ngón vô danh)

Tiền Lực (2 ngón trỏ) đều co, vịn Thiên Trí (2 ngón cái)



Thanh Liên Hoa Chân Ngôn là:

“**An, ác vị la hồng, khư tả lộ**”

ॐ अहं ह्रीं ह्रिः कृ ङ

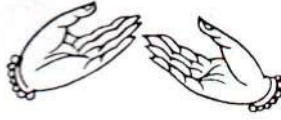
OM_ AH VĪRA HŪM KHACARAḤ

ॐ रूपा शोभे

OM – RŪPA ŚOBHE

_ Tiếp kết **Kim Cương Ca Vịnh Ấn**

Man (vòng hoa) đến ngang miệng, bung xuống dưới



Do kết **Kim Cương Ca Vịnh Ấn**

Mau được *An Nhân Ba La Mật* (Kṣānti-pāramitā)

Kim Cương Ca Vịnh Chân Ngôn là:

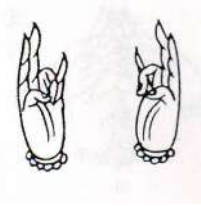
“**Án, thú-lồ đát-la táo khê**”

ॐ श्रु शुक्रे

OM – ŚOTRA SAUKHYE

_ Tiếp kết **Kim Cương Vũ Cúng Đường**

Hai tay xoay quyền như thế múa



Do kết **Vũ Ấn**, sức gia trì

Mau mắn *Tinh Tiến Ba La Mật* (Vīrya-pāramitā)

Kim Cương Vũ Chân Ngôn là:

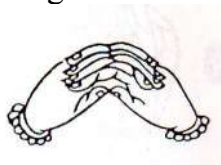
“**Án, tát phộc bố nhĩ** “

ॐ स्रु पुत्रे

OM – SARVA PUṆYE

_ Tiếp kết **Kim Cương Ngoại Cúng Đường**

Phộc Ấn ngang tim, hướng dưới bung



Do sức kết **Thiền Hương Ấn** nên

Sẽ chứng *Tĩnh Lự Ba La Mật* (Dhyāna-pāramitā:Thiền Định Ba La Mật Đa)

Kim Cương Thiền Hương Chân Ngôn là:

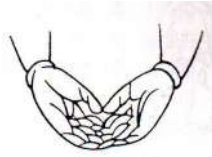
“**Án, bát-la hạ-la nễ ninh**”

ॐ प्रह्लादिनि

OM – PRAHLA DINI

_ Tiếp kết **Kim Cương Tán Hoa Ấn**

Phộc Ấn ngửa giải, như rải hoa



Do kết Tán Hoa Ân gia trì
Mau chóng *Bát Nhã Ba La Mật* (Prajñā-pāramitā)
Kim Cương Tán Hoa Chân Ngôn là:
“**Án, bát la nga mê**”
ॐ नमो गमि
OM –PHĀLA GAMI

_ Tiếp kết **Kim Cương Đẳng Minh Ân**
Ngoại Phộc, Thiên Trí (2 ngón cái) hợp như phượng



Do kết Kim Cương Đẳng Minh Ân
Sẽ được *Phượng Tiên Ba La Mật* (Upāya-pāramitā)
Kim Cương Đẳng Minh Chân Ngôn là:
“**Án, tô đế nhạ ngật-ly**”
ॐ सु ते अग्रि
OM–SUTEJA AGRI

_ Tiếp kết **Kim Cương Đồ Hương Ân**
Nguyệt (Kim Cương Phộc) ngang ngực rải như xoa hương



Do kết Đồ Hương Ân gia trì
Mau mắn *Thệ Nguyệt Ba La Mật* (Prajñā-pāramitā)
Kim Cương Đồ Hương Chân Ngôn là:
“**Án, tô hiền đăng nghi**”
ॐ सु गंध अंगि
OM–SUGANDHA ANGI

_ Người tu hành tiếp nên tụng **Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi nhất bát bách danh**
tán dương vô lượng Công Đức của Bản Tôn với chúng Thánh.

Tán là:

- 1_ Y sai củ ma la, bả la la-tha nga đá nam
- 2_ Tất địa ma nhạ dã, đa lộ ca hứ đá nam
- 3_ Thất-nghi duệ tỷ, tát phộc hứ đế nhạ nga đế, bát-la nê đá lệ
- 4_ Thuật đà đồ ninh hiệt-xá đồ mô khát-sái, vĩ nỗ nam
- 5_ Tát đế-dã na dạ khát-sái ma vĩ lý-diễn phộc hứ đa, tức đá
- 6_ Mỗi đất-la, la sa na na năng la đá duệ

- 7_ **Tát địa bà phệ sa na đế số nhạ ninh số năng nương yết mai tả năng**
8_ **Tát địa mẫu bệ lệ**
9_ **Mãn đất-la phộc lệ sa na đở sắt-trí la đá duệ**
10_ **Xá na ninh cật-la, đà lệ đất tha mãn tộ đà lệ phộc**
11_ **Đạt la-sái dĩ ma la, bát-la vạt đa dĩ chước cật-lam**
12_ **Tổ bĩ la tả cật-la đà lỗ, y hạ dục cật-đa**
13_ **Phộc tả nễ nhĩ-dã ma nỗ tỳ la ma duệ tả**
14_ **Phộc lý xả toản đồ vĩ phộc nhĩ đa ninh đế-dã**
15_ **Niếp nhĩ-dã ma nỗ la ma yết noa tồ khư tả**
16_ **Tát-lệ ma nê dạ ma độ la, a nỗ củ la**
17_ **Tức đa ma hạ la na ninh táo xí-dã, bát-la na tả**
18_ **Mãn tộ lý đế sa mẫu nễ la dã mẫu đà**
19_ **Duệ tả năng xá chỉ-dã, bát-la sa phộc ma nhạ nan**
20_ **Đế chủy đất tha nghiệt đa, chỉ-nhương năng, vĩ thế sái**
21_ **Đế số tồ đá đất tha bộ nhĩ, bát-la vĩ sắt-tra**
22_ **Niếp nhĩ-dã bát cật-la sắt-tra, đất tha nghiệt đa, tăng xí-dã**
23_ **Đế chủy tồ lệ thấp-phộc la, lộ ca, bát la bà phộc ma nhạ năng ma lạc chỉ-**
dã
24_ **Lỗ ty-dã, a lỗ ty-dã, đất tha, a tha bộ ma**
25_ **Ca nhĩ năng, niệp nhĩ-dã ninh-lý nhạ**
26_ **Ma nỗ nhạ phộc dụ nghĩ năng**
27_ **Tát địa nghiệt đá đất tha lộ kê**
28_ **Tát phộc vĩ thủy sắt-tra, đất tha năng la, mục xí-dã**
29_ **Tát đất phộc ma táo nương sa vĩ nễ-dã đế yết thất-chất**
30_ **Dụ bát-la đế nhạ ninh đồ đất tả thất-lý dạ duệ**
31_ **Ê sái thất-lý dục, bả lý yết lạp-chủy đất đồ tỳ-diễm**
32_ **Mạn tộ lý đế bát-la đế nhạ ninh đồ**
33_ **Một đà, mạn tộ thất-lý điệp bả lý yết lạp-chủy đất đồ tỳ-diễm**
34_ **Năng ma nhĩ diễm đất tha bố la-phộc nhĩ ninh tỳ**
35_ **Ê sái cật-lý đá, đa phộc tăng chỉ-nê đa yết lạp bệ**
36_ **Niếp nhĩ-dã, ma năng nga đa,**
37_ **Một đà ma đế đái**
38_ **Năng ma thất-lỗ nê điệp, bả lý sa-đa phệ thuật độ**
39_ **Năng nương ma nỗ bà vĩ, ê ca ma nỗ phộc**
40_ **Đất tả, y diễm thủy phộc phiến đế, bà phệ diễm**
41_ **Mạo địa, phộc la bà vĩ, a ngật-la vĩ thủy sắt-tra**
42_ **Mãn đất-la, a thế sái đồ, tất địa bà phệ dạ**
43_ **Ốt đa ma, dụ ninh nga đế, bát-la đế lệ bệ**
44_ **Ốt đa ma, đạt ma tam thất-la dĩ ninh nguyện**
45_ **Vĩ cận-năng, vĩ phộc nhĩ đa, tất địa bà phệ dã**
46_ **Chỉ tất-tất đa, mãn đất-la, bát-la sa đà dĩ đất tông**
47_ **Khất-sái bát-lỗ sa nghiệt lạc đế, mạo địa nột mãn nại lam**
48_ **Lạp tả đế, mạo địa nghiệt thủy, mẫu ninh mục toàn-dữ**
49_ **Nghiệt đất-phộc ninh sử na đế, tất đất-phộc, hứ đất la-tham**
50_ **Một địa-dã đế, mạo địa bát-la vạt đa dĩ tả cật-lam**
51_ **Ê sái ngu noa ca thể đồ nhĩ năng mục khế**
52_ **Mạn tộ thất-lý diễm đất-phộc dĩ tăng sa-ma lý năng hàm**
53_ **A tiên đế-dã, ngu noa ca thể đá nhĩ năng mục khế**

- 54_ Nại thủy đồ ninh đễ-dã, bát-la bà phộc đất-phộc nễ diêm
- 55_ Bô la-phộc nga tát phộc thiết đái nhĩ năng mục khế
- 56_ Yết lạp-bà bà nãi dã ma thước chỉ-dã ma tăng khế
- 57_ Mãn đất-la nghiệt đá đa phộc, thuật đà củ ma la
- 58_ Mạn tộ thất-lý diễn đa phộc, mãn đất-la tả lý diêm
- 59_ Bà sử đa tát phộc ma thể sái ca một đãi
- 60_ Ê sái, củ ma la tha tát phộc nga đá phệ
- 61_ Xá sa năng đồ tỳ-dã năng lô đa ma địa la
- 62_ Thuật đà, phộc sa ninh ninh sát la-noa nhĩ năng phệ
- 63_ Tát đất-phộc ma thể sái đa duệ, y hạ tán đá
- 64_ Năng cật-la nhĩ mãn đất-la đất-phộc nễ dã ca na tân đa
- 65_ Năng bỉ yết thần tử hứ duệ đa phộc, mãn đất-la nhĩ đễ

Hành Giả tụng **Tán Thán** xong, kết **Căn Bản Đẳng Ấn** gia Tụ Thân, tương đồng với Diệu Cát Tường Bồ Tát. Chẳng giải Ấn này, tụng **Kim Cương Bách Tụ Chân Ngôn**

Giả sử trong đời quá khứ đã gây tạo mọi loại nghiệp ác, tất cả tội chướng của nhóm năm Vô Gian...Do Bách Tụ Chân ngôn này gia trì, cho nên tất cả tội chướng thấy đều tiêu diệt, thấy thân được **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội**

Nếu Tâm tán loạn, đếm tụng Chân Ngôn hoặc bảy, 21 cho đến 108 biến sẽ mau cùng với Tam Muội tương ứng

Bách Tụ Chân Ngôn là:

“**Ấn, khát nga tát đất-la (1) tam ma dã ma nỗ bá la dã (2) khát nga tát đất-phộc (3) đất phệ nỗ bả đễ sát-xá (4) niết lý-trạc minh bà phộc (5) tổ đồ số minh bà phộc (6) a nỗ la cật-đổ minh bà phộc (7) tổ báo số minh bà phộc (8) tát phộc tát địa-dâm minh, bát-la duệ tha (9) tát phộc yết ma tổ tả minh (10) tức đa, thất-lý được củ lỗ (11) hồng, hạ, hạ, hạ, hạ, hộc, bà nga tông (12) tát phộc đất tha nghiệt đa (13) khát nga, ma, minh, môn tả (14) khát nghĩ bà phộc, ma hạ tam ma dã, tát đất-phộc, Ác (15)**”

ॐ ऋगसर्व समयमनुपलया ऋगसर्व ब्रह्मपक्षे कुरु मरुत सुगुरु मरुत सुगुरु सुमरुत सुपुत्र मरुत सर्व (संक्र म प्रत्यक्ष सर्वकर्म सु व म (व्र श्रीयं कुरु ॐ कुरुकुरुः कुरुतं सर्व गणगण ऋगसर्व म सु व ऋगसर्व मरुत समयसर्व ॐ

OM-KHADGA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – KHADGA-SATVA TVENA UPATIṢṬA – DRDHO ME BHAVA- SUTOṢYO ME BHAVA-ANURAKTO ME BHAVA- SUPUṢYO ME BHAVA SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ŚRĪYAM KURU HŪM HA HA HA HOḤ – BHAGAVAM – SARVA TATHĀGATA-KHADGA, MĀ ME MUMCA KHADGĪ BHAVA- MAHĀ-SAMAYA SATVA- ĀḤ

Chân Ngôn này có uy lực lớn. Người tu hành, giả sử phạm **Tam Muội Gia** (Samaya), quán niệm chẳng theo thứ tự, hoặc hôn trầm trạo cử, đã phạm lỗi lầm. Do đếm tụng Chân Ngôn này gia trì cho nên hay khiến Hành Giả đầy đủ Công Đức *Thượng Phẩm* phụ cho chỗ phạm lúc trước chẳng thành lỗi; tăng ích cho uy lực, mau tương ứng với Tam Ma Địa

Chẳng bung Ấn lúc trước, quán kỹ lưỡng phía trước mặt có Bản Tôn với tướng thân của mình như Bản Tôn không có khác, mỗi mỗi quán kỹ lưỡng, hiểu rõ ràng. Lại nên để Ấn này ngang trái tim, liền tụng **Ngũ Tụ Đà La Ni** là:

“A la bả tả năng”

𑖐𑖩𑖪𑖫𑖬

A RA PA CA NA

Người tu hành dùng Kim Cương Ngữ, hoặc Liên Hoa Ngữ mỗi mỗi hiểu rõ ràng. Tụng Ngũ Tự Chân Ngôn này bảy biến hoặc 21 biến gia trì bốn nơi, rồi bung tán Ấn trên đỉnh đầu

_ Liên lấy tràng hạt cuộn tròn ở trong lòng bàn tay, dùng **Thiên Chuyển Chân Ngôn** gia trì bảy biến

Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la ngục tứ-dã, nhạ bả, tam ma duệ, hồng”

𑖐 𑖧𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵 𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾

*) OM- VAJRA-GUHYA JĀPA SAMAYE HŪM

Sau đó hai tay cầm tràng hạt để ngang trái tim, trụ **Bản Tôn Tam Ma Địa**, niệm tụng chảng chậm chảng gấp, hoặc 108 biến, hoặc một ngàn cho đến một vạn...Niệm tụng số xong, hai tay nâng tràng hạt, an ở trên đỉnh đầu. Sau đó để lại chỗ cũ (bản xứ)

_ Nếu **Tam Ma Địa Niệm Tụng**, Ngang trái tim, quán **Đại Viên Kính Trí** bên trong bảy 5 chữ mỗi mỗi quán kỹ lưỡng, tùy theo nghĩa tương ứng, Tâm hợp với Bát Nhã Ba La Mật. Đây gọi là **Tam Ma Địa Niệm Tụng**

_ Nếu thân mệt mỏi, liền kết **Bản Tôn Kiếm Ấn** tụng **Ngũ Tự Chân Ngôn** bảy biến. Lại dùng **tám Đại Cúng Dường** cúng dường chư Phật, dùng **âm từ màu nhiệm** xung dương khen ngợi, **hiển nước Át Già**, dùng **Giáng Tam Thế Ấn** xoay theo bên phải để **giải Giới**.

Liền kết **Kim Cương Lợi Kiếm Ấn** phụng tụng các Thánh đều quay về Bản Cung.



Phát Khiển Chân Ngôn là:

“Án, cật-ly đồ phộc (1) tát phộc tát dát-phộc la-tha (2) tát địa nại đá (3) duệ tha, nỗ nga nghiệt sai đà-tông, mẫu đà vĩ sai diêm (5) bở năng la nga (6) ma năng dã đồ. An, phộc nhật-la để khát-sử-noa, mục”

𑖐 𑖧𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵 𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾 𑖿𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵

OM – KRTOVAH, SARVA SATVA ARTHA SIDDHIRDATTA YATHA ANUGĀGACCHATHAM BUDDHA-VIṢAYAM PUNARĀGAMANĀYATU – OM- VAJRA-TĪKṢNA MUH.

Tác Pháp này xong. Lại dùng **Tam Muội Gia Ấn** tụng Gia Trì Chân Ngôn đem ấn bốn nơi, sau đó Quán Đỉnh, mặc giáp trụ Kim Cương.

Y theo trước bốn lễ, lễ Phật ở bốn phương, Sám Hối, Phát Nguyện....

Sau đó y theo nơi nhàn tĩnh, nghiêm dùng hương hoa, trụ **Bản Tôn Tam Ma Địa**, đọc tụng **Phương Quảng** (Vaipulya), tất cả Kinh Điển **Đại Thừa** (Mahā-yāna), Đại

Phẩm của Đại Bát Nhã cho đến Văn Thù Bát Nhã.....rồi tùy ý **kinh hành**
(Caṅkramana)

Bát Nhã Đại Phẩm với hai chữ
Ngày đêm bốn thời tinh tiến tu
Đời này chúng được **Hoan Hỷ Địa** (Pramiditā-bhūmi)
Mười sáu đời sau thành Chính Giác.

Văn Thù Sư Lợi Phần Nộ Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la để khát-sử-noa, câu lỗ đà, thân na, hồng phán tra**”

ॐ वज्रनिष्ठं कृच्छ्रं ह्रिं ह्रूं

OM_ VAJRA-TĪKṢṆA KRODHA_ CCHINDA _ HŪM PHAT

Dùng Chân Ngôn này: Hộ Thân, Tịch Trừ, Kết Giới, tịnh các hương hoa với tất cả
vật cúng... đều được

Nguyện cho chúng sinh gặp **Giáo** này
Văn Thù (Maṃjuśrī) thường làm Thiện Tri Thức
Mau chứng Trí Bát Nhã khéo léo
Mau thành Vô Thượng Lương Túc Tôn

VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT NGŨ TỰ DU GIÀ CHÂN NGÔN NGHI QUỸ
MỘT QUYỀN (Hết)
(Kèm thêm một Chân Ngôn phụ theo bày ra)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/03/2012